

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/DS-ST

Ngày: 11-6-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lâm Quang Toàn**

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2024/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST-DS, ngày 15/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2025/QĐST-DS, ngày 23/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Lượng E, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Thạch T. sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lý B, sinh năm 1990, theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2025. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2024 và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn L Em trình bày:

Nguyên vào ngày 12 tháng 07 năm 2024 (âm lịch) ông E có thỏa thuận mua lúa tươi của ông Thạch T số lượng là 200 tấn lúa tươi, sau khi hai bên thỏa thuận xong thì ông E có đưa cho ông T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thỏa thuận thời gian giao lúa là ngày 18 đến ngày 30 tháng 07 năm 2024 (âm lịch) là giao đủ số lúa đã thỏa thuận. Nhưng trong thời điểm đó ông T giao lúa không đạt tiêu chuẩn nên ông E không nhận lúa và đến nay ông T cũng không trả lại số tiền ông E đã đặt cọc cho ông T.

Nay ông E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả lại cho ông E số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Rút lại yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn ông Thạch T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Lý B, trình bày:

Giữa ông Thạch T và ông Nguyễn Văn Lượng E có thỏa thuận lập hợp đồng đặt cọc mua lúa nội dung là ông T sẽ bán cho ông Lượng E số lượng 200 tấn lúa loại OM18, giá 8.400 đồng/ký (lọt lòng ghe 45 tấn) ông Lượng E giao tiền cọc cho ông T 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời gian giao nhận lúa từ ngày 18/7/2024 âm đến ngày 30/7/2024 âm, sau khi nhận tiền xong thì ông T cũng đặt tiền cọc lại cho các hộ dân để mua lúa giao cho ông E. Trong các ngày 24/7/2024 âm và 25/7/2024 âm ông T và các hộ dân có cắt lúa và có gọi ông L Em vào nhận lúa như đã thỏa thuận nhưng khi ông L Em vào nhận lúa thì chê Lúa xấu, lúa xanh không đạt như trong hợp đồng và nếu có lúa đẹp thì ông L Em nói lúa không đủ đầy ghe nên không cân. Sau đó ông L Em nói với ông T là xin các hộ dân giảm giá lúa xuống còn 8.000 đồng/ký ông Lượng E sẽ cân hết nhưng ông T không đồng ý vì ông T biết các hộ dân sẽ không chịu. Ông Lượng E nói sẽ kêu ghe khác vào mua lúa nhưng vẫn không thấy nên ông T và người dân đem lúa đi sấy vì đã để lâu ngày ông L Em không cân. Sau khi sấy thì các hộ dân bán lúa cho người khác, thời điểm giao lúa thì giá lúa đã sụt còn 7.800 đồng đến 7.900 đồng/ký.

Ngoài ra trong hợp đồng không có ghi nhưng ông T và ông Lượng E có thỏa thuận nói miệng loại lúa giao là loại lúa 9-1 (tức là 10 hạt lúa chín sẽ có 2 đến 3 hạt còn xanh đã cứng gạo) là chấp nhận được. Địa điểm giao lúa là tại ruộng nơi có lúa tập kết.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông L Em khởi kiện yêu cầu ông T trả lại tiền cọc 50.000.000 đồng thì ông T không đồng ý do sau khi thỏa thuận đặt cọc ông T đã giao tiền cọc cho người dân và tới ngày nhận lúa ông Lượng E không chịu nhận là coi như bỏ tiền cọc.

- *Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án, các đương sự chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

+ Về nội dung: Xét hợp mua bán lúa ngày 12-7-2024 giữa các bên đã thống nhất việc mua bán cũng như số tiền đặt cọc và thời gian giao nhận lúa. Xét thấy, ông T là bên có trách nhiệm giao lúa, nhưng kể từ khi nhận tiền cọc đã không cung cấp lúa như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên bán, bên nhận cọc. Vì vậy, ông E khởi kiện yêu cầu ông T trả lại tiền cọc là đúng theo qui định tại Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Lượng E. Buộc ông Thạch T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn L Em số tiền cọc 50.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi suất. Về án phí sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông E không phải chịu; đối với bị đơn ông T là người dân tộc Khmer cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại tiền đặt cọc mua lúa nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng đặt cọc theo qui định tại Điều 328 Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn ông L Em rút lại yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn ông Thạch T. Xét thấy việc rút lại yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3.1] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L Em khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Thạch T trả lại tiền cọc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) do đã không giao lúa đúng theo thỏa thuận. Bị đơn ông Thạch T không đồng ý trả tiền cọc vì cho rằng tới ngày nhận lúa mà ông L Em không vào nhận lúa nên phải chịu mất cọc.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền đặt cọc: Tại phiên tòa, các bên thừa nhận có thỏa thuận đặt cọc ngày 12-7-2024 âm lịch, thời gian giao nhận lúa từ ngày 18/7 đến ngày 30/7/2024 âm lịch. Tuy nhiên nguyên đơn ông Lượng E cho rằng ông T không giao lúa đúng loại như thỏa thuận, lúa giao có tỉ lệ lúa xanh nhiều nên ông không nhận được còn phía ông T cho rằng ông E từ chối nhận lúa do lúa sứt chứ không phải vì lúa không đạt chất lượng như thỏa thuận,

không phải lỗi do ông T không giao lúa đúng thỏa thuận.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án việc các bên đưa ra lý do vi phạm hợp đồng của đối phương nhưng chỉ là trình bày miệng mà không có chứng cứ chứng minh. Bị đơn ông Thạch T có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xác minh những người làm chứng gồm bà Thạch Thị Mộng T1, ông Tạ Văn D, ông Quách Văn T2 (những người ông Thạch T thu mua lúa để giao cho ông Lượng E) thì qua xác minh bà T1 (BL 79), ông D (BL 80) trình bày có bán lúa cho ông Thạch T), còn ông T2 (BL 81) trình bày chỉ làm cò dẫn ông Thạch T đi mua lúa chứ không có bán lúa cho ông T. Riêng đối với lời khai của ông D thì ông trình bày *“Lúc ông T vào cân lúa của ông thì ông T có chê lúa của ông còn non và có thỏa thuận lại giá nên ông T đồng ý cân lúa của ông”*. Từ đó cho thấy lời trình bày của người làm chứng ông D phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn ông Lượng E là lúa ông Thạch T giao là lúa còn xanh không đạt tỉ lệ như thỏa thuận nên ông không nhận được. Đồng thời tại phiên tòa nguyên đơn ông Lượng E cung cấp các tin nhắn trao đổi với ông Thạch T sau khi ông T không có lúa giao ông Lượng E yêu cầu trả lại tiền cọc thì ông T có xin ông Lượng E được trả dần nhưng không được ông Lượng E đồng ý. Việc ông Thạch T giao lúa không đúng thỏa thuận là vi phạm hợp đồng nhưng không trả lại tiền nhận cọc là không đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 328 Bộ luật dân sự *“Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Từ những phân tích trên thấy rằng sau khi thỏa thuận lập hợp đồng thì ông Thạch T có nhận tiền cọc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) từ ông Lượng E để bán cho ông L Em 200 tấn lúa loại OM18, loại lúa 9:1 (trong 10 hạt lúa thì phải có 9 hạt chín 1 hạt xanh), tuy nhiên đến khi thu hoạch thì lúa giao cho ông L Em không đạt tỉ lệ như thỏa thuận (tỉ lệ xanh nhiều) vì vậy ông Lượng E không đồng ý nhận và yêu cầu ông T trả lại tiền cọc và ông T cũng có hứa hẹn trả lại tiền cọc cho ông Lượng E nhưng cho đến nay vẫn không trả nên ông L Em khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T trả lại tiền đặt cọc là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Thạch T phải trả tiền cọc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho ông Lượng E.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lượng E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bị đơn ông Thạch T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn ($5\% \times 50.000.000 \text{ đồng} = 2.500.000 \text{ đồng}$ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)). Tuy nhiên bị đơn ông Thạch T có đơn xin miễn án phí vì là người đồng bào dân tộc thiểu số đang sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ

Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L Em tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án án phí, lệ phí Tòa án số 0008054 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị phát biểu quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Em là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 328 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L Em. Buộc bị đơn ông Thạch T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L Em số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn L Em cho đến khi thi hành án xong, ông Thạch T còn phải trả cho ông Nguyễn Văn L Em số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L Em về việc yêu cầu bị đơn ông Thạch T trả lãi suất.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Lượng E không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L Em tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án án phí, lệ phí Tòa án số 0008054 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn ông Thạch T được miễn án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Tuyết Kha